

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2020/HNGĐ-ST

Ngày 25-6-2020

V/v trA chấp “Ly hôn”

NHÂN DA

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sắc Ly.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tất Ái.

2. Ông Nguyễn Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Trúc Linh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 118/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về trA chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Kiều L, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: tổ T, ấp Đ, xã T, Chợ Gạo, tỉnh T

Bị đơn: A Nguyễn Nhật Tr, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, tp. M, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đặng Thị Kiều L trình bày:

Chị với A Nguyễn Nhật Tr là vợ chồng và có Đ ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 141 được UBND xã M cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/11/2005. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, do phía A Tr có tính cờ bạc, gây nợ nần. Phía A

Tr không có ý thức xây dựng hạnh phúc gia đình. Cả hai sống chung nhưng không cùng quan điểm sống. Chị và A Tr đã ly thân khoảng 01 năm. Gia đình hai bên cũng đã góp ý, khuyên bảo để vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay, chị cảm thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên làm đơn yêu cầu Tòa án xem xét:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn A Nguyễn Nhật Tr.

- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Hải Đ sinh năm 2006 và Nguyễn Hải A sinh năm 2015, đang sống cùng với chị. Ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con và yêu cầu A Tr phải cấp dưỡng nuôi mỗi con hàng tháng 1.000.000 đồng, đến khi các con tròn 18 tuổi lao động được.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn A Nguyễn ThA Tr đã được toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng vẫn không có ý kiến gì và không có mặt để dự phiên toà mà không có lý chính đáng.

* Tại phiên tòa:

Chị Đặng Thị Kiều L vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện là yêu cầu ly hôn và đồng ý nuôi con chung; thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chị L yêu cầu A Tr cấp dưỡng mỗi con mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu khởi kiện của chị L là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L, về con chung giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, A Tr cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi lao động được; Về tài sản chung, nợ chung: Do không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Đặng Thị Kiều L với A Nguyễn Nhật Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Được Ủy ban nhân dân xã M cấp giấy chứng nhận kết hôn số 141 ngày 22/11/2005. Ngày 20/02/2020 chị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với A Tr, đây là trA chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự. A Nguyễn Nhật Tr cư trú tại địa chỉ M, xã M, TP. M, tỉnh T, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ

luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Bị đơn Nguyễn Nhật Tr vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt A Tr theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét thấy, A Tr đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, thông báo về kết quả hòa giải và công khai các chứng cứ, nhưng không có ý kiến gì về các chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của chị L. Theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 10/5/2020 tại UBND xã Mỹ Phong thì địa phương không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng A Tr và chị L yêu cầu ly hôn. Nên căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

[3] Về quan hệ hôn nhân: A Nguyễn Nhật Tr và chị Đặng Thị Kiều L kết hôn theo đúng quy định pháp luật, xác định hôn nhân của A Tr và chị L là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của chị L, chị và A Tr thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do A Tr có tính cờ bạc, gây nợ nần và cũng không có ý thức xây dựng gia đình hạnh phúc. Cả hai không cùng quan điểm sống. A chị đã ly thân khoảng 01 năm nay. Gia đình hai bên đã góp ý, khuyên bảo để vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả.

Tại phiên tòa, dù được giải thích về hậu quả của việc ly hôn nhưng chị L vẫn cương quyết ly hôn với A Tr. Từ khi khởi kiện đến nay phía A Tr cũng không có ý kiến gì đối với yêu khởi kiện của chị L. Xét thấy, thời gian vợ chồng ly thân đã lâu nhưng cả hai vẫn không hàn gắn được tình cảm, cho thấy đời sống vợ chồng giữa chị L và A Tr đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân A chị có 02 con chung Nguyễn Hoàng Hải Đ sinh năm 2006 và Nguyễn Hải A sinh năm 2015, đang sống cùng với chị L. Ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con và yêu cầu A Tr cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi lao động được.

Xét thấy, cháu Đ và cháu A hiện đang sinh sống cùng với chị L. Riêng cháu Đ đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng muốn tiếp tục sống chung với chị L nên cha mẹ cháu ly hôn. Phía A Tr không có ý kiến gì về việc A chấp nuôi con chung. Do đó, cần xem xét giao con chung cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, A Tr không trực tiếp nuôi con nên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi lao động được, là phù hợp qui định pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ chung. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[6] Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. A Tr phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 84, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: 1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Kiều L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Kiều L được ly hôn với A Nguyễn Nhật Tr.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Hải Đ sinh năm 2006 và Nguyễn Hải A sinh năm 2015 cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, đến khi con chung đủ 18 tuổi và lao động được. A Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi lao động được.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: **Chị Đặng Thị Kiều L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001139 ngày 20/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên xem như đã nộp xong án phí. A Nguyễn Nhật Tr Tr phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.**

3. Về quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, A Tr có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Tr hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- UBND xã M;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Sắc Ly